



SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN,
HẠNH PHÚC HƠN

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TRỌN VỌNG CÂN BẰNG – PHIÊN BẢN DÀNH CHO NHÂN VIÊN AIA

Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ AIA (Việt Nam) (“AIA Việt Nam”) – Nghiệp vụ: Bảo hiểm liên kết đầu tư

Linh hoạt cân bằng bảo vệ & tích lũy trọn đời

Số tiền bảo hiểm **1.500.000.000 đồng**, phí bảo hiểm cơ bản đóng **24.000.000 đồng/năm**

BẢO VỆ TOÀN DIỆN TRƯỚC MỌI RỦI RO



Bảo vệ trọn đời lên đến **100 tuổi**.



Nhận **375.000.000 đồng** khi mắc **ung thư nghiêm trọng**.



Nhận thêm phần trăm (%) Số tiền bảo hiểm tùy theo loại thương tật do tai nạn và tối đa lên đến **1.500.000.000 đồng** khi bị thương tật do tai nạn.



Nhận tối thiểu **1.500.000.000 đồng** khi Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn hoặc Bệnh giai đoạn cuối hoặc tử vong.

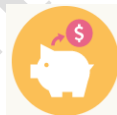


Nhận thêm **225.000.000 đồng** nếu tử vong không hút thuốc lá.

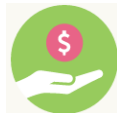


Nhận thêm **1.500.000.000 đồng** khi tử vong do tai nạn hoặc **3.000.000.000 đồng** khi tử vong do tai nạn trong các trường hợp đặc biệt.

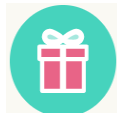
THIẾT LẬP KHOẢN TIẾT KIỆM MONG MUỐN



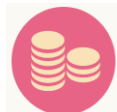
Có thể đầu tư thêm lên đến **120.000.000 đồng/năm** để nhanh chóng đạt mục đích tiết kiệm.



Linh hoạt rút tiền cho các chi tiêu ngắn hạn
Linh hoạt đóng phí từ năm hợp đồng thứ 5 trở đi.



Nhận **khoản thưởng hàng năm từ 12,5% - 15% phí bảo hiểm cơ bản quy năm** được đóng thêm vào Giá trị tài khoản cơ bản từ Ngày kỷ niệm hợp đồng năm thứ 5 trở đi.



Hưởng lãi từ kết quả đầu tư theo mức lãi suất tích lũy được AIA Việt Nam công bố hàng tháng và không thấp hơn mức lãi suất cam kết.

Vui lòng tham khảo Quy tắc, điều khoản sản phẩm bảo hiểm để biết thêm chi tiết quyền, quyền lợi và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam) hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và đầu tư tài chính theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 16GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 14 tháng 7 năm 2008; Vốn điều lệ: 8.724,420 tỷ đồng; Địa chỉ trụ sở chính tại Tòa nhà Saigon Centre tháp 2, 67 Đường Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (84-28) 3830 3333; Trung tâm dịch vụ khách hàng, điện thoại: (84-28) 3812 2777, email: vn.customer@aia.com

Thông tin chi tiết về địa chỉ Văn phòng/ Trung tâm dịch vụ khách hàng, khách hàng vui lòng tham khảo tại đường dẫn: <https://www.aia.com.vn/vi/dich-vu/van-phong-giao-dich.html>

THÔNG TIN ĐẠI LÝ BẢO HIỂM CÁ NHÂN

Họ và tên

Mã số đại lý

Đại lý bảo hiểm

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Họ và tên

Giới tính

Tuổi

Nghề nghiệp

Bên mua bảo hiểm

Nguyễn Văn A

Nam

29

Văn Phòng

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Đơn vị: đồng

Sản phẩm	Người được bảo hiểm (NDBH)	Tuổi tham gia	Giới tính	Nghề nghiệp	Thời hạn bảo hiểm tối đa (năm)	Thời hạn đóng phí tối đa (năm)	Thời gian đóng phí dự kiến (năm)	Mức thẩm định	Số tiền bảo hiểm (STBH)	Phí bảo hiểm hàng năm
<i>Bảo hiểm nhân thọ (BHNT)</i>										
Bảo Hiểm Liên kết chung Trộn Vẹn Cân Bằng – Phiên bản dành cho nhân viên AIA – Quyền lợi bảo hiểm cơ bản	Nguyễn Văn A	29	Nam	Văn phòng	71	71	30	Chuẩn	1.500.000.000	24.000.000

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng: Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau
Đại lý bảo hiểm: **Trang 2 | 28**
Ngày giờ lập: Phiên bản
Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	Năm	Nửa năm	Quý	Tháng
(i) Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm BHNT theo định kỳ	24.000.000	12.000.000	6.000.000	2.000.000
(ii) Tổng phí bảo hiểm của sản phẩm BHBS/BHBK theo định kỳ	-	-	-	-
(iii) Phí đóng thêm của sản phẩm BHNT	-			
Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ: (i) + (ii) + (iii)	24.000.000	12.000.000	6.000.000	2.000.000

Định kỳ đóng phí dự kiến: Năm

Lưu ý:

- Kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023, các sản phẩm bảo hiểm được bán kèm với bảo hiểm nhân thọ được Bộ Tài chính phê chuẩn sẽ sử dụng thuật ngữ sản phẩm “Bảo hiểm bán kèm”.
- Sản phẩm “Bảo hiểm bổ sung” đã được Bộ Tài chính phê chuẩn trước ngày 01 tháng 07 năm 2023 vẫn tiếp tục được sử dụng thuật ngữ này trong Hợp đồng bảo hiểm.
- Tổng phí bảo hiểm (Phí BH) theo định kỳ hiển thị là phí bảo hiểm theo định kỳ đã chọn trong năm hợp đồng đầu tiên và yêu cầu phải được đóng đủ.
- Tại từng định kỳ đóng phí bảo hiểm, phí đóng vào của Khách hàng sẽ được ưu tiên thanh toán theo thứ tự như sau: (i) => (ii) => (iii). Trong đó, (iii) chỉ được ghi nhận khi (i) + (ii) đã được đóng đủ trong Năm hợp đồng đó.
- Thời gian đóng phí bảo hiểm cơ bản bắt buộc của sản phẩm BHNT là 4 năm hợp đồng đầu tiên. Trong thời gian này, hợp đồng sẽ được đảm bảo duy trì hiệu lực với điều kiện quy định trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm.
- Từ năm hợp đồng thứ 5 trở đi, khách hàng có thể lựa chọn đóng một phần hoặc toàn bộ Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ. Tuy nhiên việc đóng một phần có thể dẫn đến rủi ro hợp đồng sẽ chấm dứt sớm, khách hàng nên đóng phí đầy đủ và đúng hạn để nhận quyền lợi thưởng duy trì đóng phí, duy trì tối đa thời gian hiệu lực của hợp đồng, và rút ngắn thời gian đạt được mục tiêu tài chính.
- Từ năm hợp đồng thứ 5 trở đi, trong trường hợp phí bảo hiểm của sản phẩm BHBS/BHBK (nếu có) không được đóng đủ khi hết thời gian gia hạn đóng phí, khoản phí bảo hiểm này sẽ được khấu trừ từ giá trị tài khoản hợp đồng của sản phẩm BHNT với sự đồng ý của khách hàng. Nếu giá trị tài khoản hợp đồng của sản phẩm BHNT không đủ để khấu trừ phí bảo hiểm của sản phẩm BHBS/BHBK, các sản phẩm BHBS/BHBK này sẽ mất hiệu lực.
- Trường hợp khách hàng không đồng ý việc khấu trừ giá trị tài khoản hợp đồng của sản phẩm BHNT để đóng phí cho sản phẩm BHBS/BHBK và không đóng đủ phí bảo hiểm cho các sản phẩm BHBS/BHBK trước khi kết thúc thời gian gia hạn, các sản phẩm này sẽ chấm dứt hiệu lực và không được khôi phục.
- Khách hàng truy cập trang thông tin điện tử www.aia.com.vn để tham khảo quy tắc điều khoản và công cụ tính toán của sản phẩm bảo hiểm.

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

TÓM TẮT THÔNG TIN QUYỀN LỢI SẢN PHẨM

I. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TRỌN VẸN CÂN BẰNG – PHIÊN BẢN DÀNH CHO NHÂN VIÊN AIA

QUYỀN LỢI	CHI TIẾT																				
THIẾT LẬP KHOẢN TIẾT KIỆM MONG MUỐN																					
Đầu tư cùng Quỹ liên kết chung	<div><div><div><div><div>Năm đóng phí</div><div>1</div><div>2</div><div>3</div><div>Từ 4 trở đi</div></div><div><div>Tỷ lệ phân bổ đối với phí bảo hiểm cơ bản</div><div>60%</div><div>100%</div><div>100%</div><div>100%</div></div><div><div>Tỷ lệ phân bổ đối với phí bảo hiểm đóng thêm</div><div colspan="5">100%</div></div></div></div><div><div>Quyền lợi đầu tư bảo đảm: Công ty cam kết mức lãi suất tối thiểu tích lũy vào tài khoản của khách hàng như sau:</div><table><tr><td>Năm hợp đồng</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>Từ 6 đến 10</td><td>Từ 11 trở đi</td></tr><tr><td>Lãi suất cam kết tối thiểu</td><td>3,5%</td><td>3,0%</td><td>3,0%</td><td>2,0%</td><td>2,0%</td><td>1,5%</td><td>1,0%</td></tr></table></div><div>Quyền lợi đầu tư không bảo đảm: Tùy theo kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung, lãi suất tích lũy của khách hàng có thể thay đổi tăng hoặc giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu. Mức lãi suất sẽ được Công ty công bố hàng tháng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Khách hàng tham khảo thông tin/báo cáo về hoạt động của quỹ tại đường dẫn https://www.aia.com.vn/vi/san-pham/lai-suot-va-gia-don-vi-quy.html</div></div> <tr><td>Đáo hạn (quyền lợi được bảo đảm)</td><td><div><div>Nhận toàn bộ GTTK của hợp đồng tính tại thời điểm đáo hạn nếu HDBH còn hiệu lực và NDBH còn sống vào thời điểm đáo hạn.</div></div></td></tr> <tr><td>Thưởng duy trì đóng phí (quyền lợi được bảo đảm có điều kiện)</td><td><div><div><div>Nhận khoản thưởng duy trì đóng phí được phân bổ hàng năm vào Giá trị tài khoản cơ bản kể từ Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 5 trở đi như sau:</div><div><div>a. 12,5% Phí bảo hiểm cơ bản quy năm vào mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 5 đến thứ 9.</div><div>b. 15% Phí bảo hiểm cơ bản quy năm vào mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 10 trở đi.</div></div></div><div><div>Điều kiện:</div><div><div>Hợp đồng chưa từng mất hiệu lực;</div></div></div></div></td></tr>	Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	Từ 6 đến 10	Từ 11 trở đi	Lãi suất cam kết tối thiểu	3,5%	3,0%	3,0%	2,0%	2,0%	1,5%	1,0%	Đáo hạn (quyền lợi được bảo đảm)	Nhận toàn bộ GTTK của hợp đồng tính tại thời điểm đáo hạn nếu HDBH còn hiệu lực và NDBH còn sống vào thời điểm đáo hạn.	Thưởng duy trì đóng phí (quyền lợi được bảo đảm có điều kiện)	Nhận khoản thưởng duy trì đóng phí được phân bổ hàng năm vào Giá trị tài khoản cơ bản kể từ Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 5 trở đi như sau: a. 12,5% Phí bảo hiểm cơ bản quy năm vào mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 5 đến thứ 9. b. 15% Phí bảo hiểm cơ bản quy năm vào mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 10 trở đi. Điều kiện: Hợp đồng chưa từng mất hiệu lực;
Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	Từ 6 đến 10	Từ 11 trở đi														
Lãi suất cam kết tối thiểu	3,5%	3,0%	3,0%	2,0%	2,0%	1,5%	1,0%														
Đáo hạn (quyền lợi được bảo đảm)	Nhận toàn bộ GTTK của hợp đồng tính tại thời điểm đáo hạn nếu HDBH còn hiệu lực và NDBH còn sống vào thời điểm đáo hạn.																				
Thưởng duy trì đóng phí (quyền lợi được bảo đảm có điều kiện)	Nhận khoản thưởng duy trì đóng phí được phân bổ hàng năm vào Giá trị tài khoản cơ bản kể từ Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 5 trở đi như sau: a. 12,5% Phí bảo hiểm cơ bản quy năm vào mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 5 đến thứ 9. b. 15% Phí bảo hiểm cơ bản quy năm vào mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 10 trở đi. Điều kiện: Hợp đồng chưa từng mất hiệu lực;																				

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng: Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau
Đại lý bảo hiểm: **Trang 4 | 28**
Ngày giờ lập: Phiên bản
Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

TÓM TẮT THÔNG TIN QUYỀN LỢI SẢN PHẨM

	- Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm được đóng đầy đủ trước mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng tương ứng; và - Không rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản trong Năm hợp đồng nhận thưởng.
BẢO VỆ TOÀN DIỆN TRƯỚC MỌI RỦI RO (quyền lợi được đảm bảo)	
Bệnh Ung thư	Nhận 375.000.000 đồng khi mắc Ung thư nghiêm trọng. Quyền lợi này không bị khấu trừ khi chi trả quyền lợi Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn / Bệnh giai đoạn cuối / Tử vong
Thương tật bộ phận do tai nạn trước khi đạt 65 tuổi hoặc từ ngày đạt 65 tuổi cho đến trước Ngày kỷ niệm hợp đồng kế tiếp	Nhận thêm phần trăm (%) Số tiền bảo hiểm tùy theo loại thương tật do tai nạn và tối đa lên đến 1.500.000.000 đồng . Quyền lợi này không bị khấu trừ khi chi trả quyền lợi Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn / Bệnh giai đoạn cuối / Tử vong
Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTB&VV) trước khi đạt 75 tuổi hoặc từ ngày đạt 75 tuổi cho đến trước Ngày kỷ niệm hợp đồng kế tiếp	Nhận 100% giá trị tài khoản đóng thêm (nếu có) cộng với số tiền cao hơn giữa 1.500.000.000 đồng và giá trị tài khoản cơ bản
Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Nhận 100% giá trị tài khoản đóng thêm (nếu có) cộng với số tiền cao hơn giữa 1.500.000.000 đồng và giá trị tài khoản cơ bản
Không hút thuốc lá	Nhận thêm 225.000.000 đồng nếu vào thời điểm tử vong NĐBH từ 15 (mười lăm) tuổi trở lên và được xác định không hút thuốc lá.
Tử vong do tai nạn trước khi đạt 65 tuổi hoặc từ ngày đạt 65 tuổi cho đến trước Ngày kỷ niệm hợp đồng kế tiếp	Nhận thêm lên đến 1.500.000.000 đồng nếu NĐBH tử vong do tai nạn; hoặc 3.000.000.000 đồng nếu NĐBH tử vong do tai nạn trong các trường hợp đặc biệt được quy định chi tiết trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm.
HẠN MỨC QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	
Tổng quyền lợi bảo hiểm của tất cả các HĐBH với chúng tôi	Quyền lợi liên quan đến Bệnh ung thư và Bệnh hiểm nghèo: không vượt quá mức tối đa theo quy định của Công ty tùy từng thời kỳ và được công bố tại trang thông tin điện tử www.aia.com.vn

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng: Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau
Đại lý bảo hiểm: **Trang 5 | 28**
Ngày giờ lập: Phiên bản
Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

TÓM TẮT THÔNG TIN QUYỀN LỢI SẢN PHẨM

mà một NDBH được hưởng, bao gồm các quyền lợi được hưởng theo sản phẩm này như sau	• Lưu ý: Quyền lợi liên quan đến bệnh hiểm nghèo và bệnh ung thư tối đa theo quy định của Công ty hiện tại là 10 tỷ đồng • Quyền lợi liên quan đến Tai nạn: không vượt quá mức tối đa theo quy định của Công ty tùy từng thời kỳ và được công bố tại trang thông tin điện tử www.aia.com.vn • Lưu ý: Quyền lợi liên quan đến tai nạn tối đa theo quy định của Công ty hiện tại là 10 tỷ đồng
Loại trừ bảo hiểm	• Công ty sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu sự kiện bảo hiểm xảy ra do bất cứ trường hợp nào được quy định cụ thể tại Quy tắc và Điều khoản (các) sản phẩm bảo hiểm mà khách hàng tham gia. Quy tắc và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm này được công bố trên trang thông tin điện tử www.aia.com.vn

QUYỀN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

- Thay đổi STBH
- Thay đổi phí bảo hiểm
- Chuyển đổi quyền lợi bảo hiểm
- Đảm bảo gia tăng Số tiền bảo hiểm cho các sự kiện quan trọng (kết hôn, sinh con, nhận con nuôi)
- Rút tiền từ Giá trị tài khoản

Ghi chú: Vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện nêu trên

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

- Mục tiêu và chính sách đầu tư: đầu tư thận trọng và dài hạn nhằm mục tiêu đạt được lợi nhuận đầu tư ổn định đồng thời đảm bảo khả năng thanh toán.
- Cơ cấu tài sản đầu tư: Nhằm đảm bảo chính sách và mục tiêu đầu tư của Quỹ liên kết chung, Công ty sẽ lựa chọn đầu tư vào các tài sản đầu tư có khả năng mang lại lợi nhuận ổn định như trái phiếu chính phủ, trái phiếu đô thị, trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng và các kênh đầu tư khác.
- Lãi suất công bố trong 5 năm gần nhất:

Năm	Lãi suất công bố
Năm 2018	5,94%
Năm 2019	5,48%
Năm 2020	5,12%
Năm 2021	4,86%
Năm 2022	4,22%
Năm 2023	4,93%
Năm 2024	4,79%

Ghi chú: Kết quả hoạt động của Quỹ liên kết chung trong quá khứ chỉ cho mục đích tham khảo và không phải là cơ sở để đảm bảo chắc chắn về kết quả hoạt động trong tương lai.

- Mức chi phí quản lý quỹ để tính ra Lãi suất công bố: Chi phí quản lý quỹ tối đa là 2%/năm tính trên giá trị tài sản đầu tư của Quỹ liên kết chung.
- Vui lòng tham khảo Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm để có thông tin chi tiết về quyền lợi đầu tư của sản phẩm bảo hiểm.

Lưu ý:

Mức lãi suất dự kiến thể hiện trong các bảng minh họa bên dưới là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chỉ mang tính tham khảo. **Trong trường hợp mức lãi suất dự kiến thấp hơn lãi suất Công ty cam kết tại năm hợp đồng, quyền lợi bảo hiểm của năm đó sẽ được minh họa dựa trên mức lãi suất cam kết**

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 7 | 28

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

TÓM TẮT CÁC LOẠI CHI PHÍ

CÁC LOẠI CHI PHÍ	CHI TIẾT															
Chi phí bảo hiểm rủi ro	Là chi phí để AIA thực hiện cam kết đối với các quyền lợi bảo hiểm rủi ro. Phụ thuộc vào tuổi và giới tính của NĐBH, STBH và lựa chọn Quyền lợi bảo hiểm.															
Chi phí ban đầu	Là chi phí sẽ khấu trừ từ phí bảo hiểm cơ bản và phí đóng thêm trước khi phân bổ vào Quỹ liên kết chung. Mức chi phí này thay đổi theo năm đóng phí <table><tr><td>Năm đóng phí</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4+</td></tr><tr><td>Phí bảo hiểm cơ bản</td><td>40%</td><td>0%</td><td>0%</td><td>0%</td></tr><tr><td>Phí đóng thêm</td><td colspan="4">0%</td></tr></table>	Năm đóng phí	1	2	3	4+	Phí bảo hiểm cơ bản	40%	0%	0%	0%	Phí đóng thêm	0%			
Năm đóng phí	1	2	3	4+												
Phí bảo hiểm cơ bản	40%	0%	0%	0%												
Phí đóng thêm	0%															
Chi phí quản lý hợp đồng (Chi phí QLHĐ)	Là khoản chi phí để Công ty thực hiện công việc liên quan đến quản lý, duy trì và cung cấp thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và được khấu trừ hàng tháng. Mức chi phí này sẽ được tự động điều chỉnh tăng 10.000 đồng bắt đầu cho mỗi giai đoạn 5 năm, chi tiết: <table><tr><td>Năm dương lịch</td><td>2021 - 2024</td><td>2025 - 2029</td><td>2030 - 2034</td><td>Từ năm 2035 trở đi</td></tr><tr><td>Chi phí quản lý hợp đồng (ngàn đồng/tháng)</td><td>30</td><td>40</td><td>50</td><td>60</td></tr></table>	Năm dương lịch	2021 - 2024	2025 - 2029	2030 - 2034	Từ năm 2035 trở đi	Chi phí quản lý hợp đồng (ngàn đồng/tháng)	30	40	50	60					
Năm dương lịch	2021 - 2024	2025 - 2029	2030 - 2034	Từ năm 2035 trở đi												
Chi phí quản lý hợp đồng (ngàn đồng/tháng)	30	40	50	60												
Chi phí quản lý quỹ	Chi phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi Công ty công bố Lãi suất tích lũy. Chi phí quản lý quỹ tối đa là 2%/năm tính trên giá trị tài sản đầu tư của Quỹ liên kết chung.															
Chi phí hủy bỏ hợp đồng	Không có															
Chi phí rút tiền từ Giá trị tài khoản	Không có															
Các loại chi phí nêu trên có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận																

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYỀN SUỐT HỢP ĐỒNG

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Phí BH sản phẩm BHNT			Phí BH sản phẩm BHBS/ BHBK	Phí ban đầu			Phí BH sản phẩm BHNT đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro sản phẩm BHNT		
	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí BH		Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí BH đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí BH đem đi đầu tư		Mức lãi suất cam kết	Mức lãi suất 3%	Mức lãi suất 4,7%
1	24.000		24.000		9.600		9.600	14.400		14.400	480	4.210	4.210	4.210
2	24.000		24.000					24.000		24.000	480	4.124	4.124	4.123
3	24.000		24.000					24.000		24.000	480	4.095	4.095	4.092
4	24.000		24.000					24.000		24.000	480	4.121	4.120	4.114
5	24.000		24.000					24.000		24.000	500	4.271	4.268	4.256
6	24.000		24.000					24.000		24.000	600	4.406	4.398	4.379
7	24.000		24.000					24.000		24.000	600	4.533	4.518	4.491
8	24.000		24.000					24.000		24.000	600	4.639	4.615	4.576
9	24.000		24.000					24.000		24.000	600	4.803	4.767	4.712
10	24.000		24.000					24.000		24.000	620	4.957	4.906	4.832
11	24.000		24.000					24.000		24.000	720	5.139	5.067	4.968
12	24.000		24.000					24.000		24.000	720	5.312	5.212	5.082
13	24.000		24.000					24.000		24.000	720	5.487	5.353	5.186
14	24.000		24.000					24.000		24.000	720	5.697	5.522	5.309
15	24.000		24.000					24.000		24.000	720	5.918	5.692	5.424
16	24.000		24.000					24.000		24.000	720	6.227	5.938	5.598
17	24.000		24.000					24.000		24.000	720	6.495	6.133	5.709
18	24.000		24.000					24.000		24.000	720	6.779	6.330	5.805
19	24.000		24.000					24.000		24.000	720	7.280	6.711	6.046

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Đại lý bảo hiểm:

Trang 9 | 28

Ngày giờ lập:

Phiên bản
Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYỀN SUỐT HỢP ĐỒNG

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Phí BH sản phẩm BHNT			Phí BH sản phẩm BHBS/ BHBK	Phí ban đầu			Phí BH sản phẩm BHNT đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro sản phẩm BHNT		
	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí BH		Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí BH đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí BH đem đi đầu tư		Mức lãi suất cam kết	Mức lãi suất 3%	Mức lãi suất 4,7%
20	24.000		24.000					24.000		24.000	720	7.753	7.044	6.214
Theo quy định của Bộ Tài chính, việc minh họa sản phẩm bảo hiểm liên kết chung theo mức lãi suất dự kiến chỉ được thể hiện cho 20 năm hợp đồng đầu tiên. Minh họa kể từ năm hợp đồng 21 dựa trên mức lãi suất cam kết (mức lãi suất cam kết từ năm hợp đồng 21 trở đi là 1%)														
21	24.000		24.000					24.000		24.000	720	8.157	7.333	6.365
25	24.000		24.000					24.000		24.000	720	11.471	10.095	8.479
30	24.000		24.000					24.000		24.000	720	16.736	14.188	11.198
35	24.000		24.000					24.000		24.000	720	21.844	17.518	12.441
40	24.000		24.000					24.000		24.000	720	35.981	26.538	15.458
45	24.000		24.000					24.000		24.000	720	64.268	42.075	16.034
50	24.000		24.000					24.000		24.000	720	54.437	30.640	2.717
55	24.000		24.000					24.000		24.000	720	87.394	40.531	
59	24.000		24.000					24.000		24.000	720	(*)	60.855	
60	24.000		24.000					24.000		24.000	720		73.455	
65	24.000		24.000					24.000		24.000	720		(*)	
67	24.000		24.000					24.000		24.000	720			
68	24.000		24.000					24.000		24.000	720			
69	24.000		24.000					24.000		24.000	720			
70	24.000		24.000					24.000		24.000	720			
71	24.000		24.000					24.000		24.000	720			

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Đại lý bảo hiểm:

Trang 10 | 28

Ngày giờ lập:

Phiên bản
Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT

TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYỀN SUỐT HỢP ĐỒNG

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết				
					Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	29	24.000	14.400		1.500.000		10.126		10.126
2	30	24.000	24.000		1.500.000		30.471		30.471
3	31	24.000	24.000		1.500.000		51.456		51.456
4	32	24.000	24.000		1.500.000		72.315		72.315
5	33	24.000	24.000		1.500.000	3.000	96.418		96.418
6	34	24.000	24.000		1.500.000	3.000	120.178		120.178
7	35	24.000	24.000		1.500.000	3.000	144.166		144.166
8	36	24.000	24.000		1.500.000	3.000	168.407		168.407
9	37	24.000	24.000		1.500.000	3.000	192.846		192.846
10	38	24.000	24.000		1.500.000	3.600	218.076		218.076
11	39	24.000	24.000		1.500.000	3.600	242.206		242.206
12	40	24.000	24.000		1.500.000	3.600	266.403		266.403
13	41	24.000	24.000		1.500.000	3.600	290.667		290.667
14	42	24.000	24.000		1.500.000	3.600	314.962		314.962
15	43	24.000	24.000		1.500.000	3.600	339.278		339.278
16	44	24.000	24.000		1.500.000	3.600	363.527		363.527
17	45	24.000	24.000		1.500.000	3.600	387.748		387.748
18	46	24.000	24.000		1.500.000	3.600	411.926		411.926
19	47	24.000	24.000		1.500.000	3.600	435.842		435.842

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYỀN SUỐT HỢP ĐỒNG

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết				
					Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
20	48	24.000	24.000		1.500.000	3.600	459.522		459.522
25	53	24.000	24.000		1.500.000	3.600	571.253		571.253
30	58	24.000	24.000		1.500.000	3.600	663.894		663.894
35	63	24.000	24.000		1.500.000	3.600	736.909		736.909
40	68	24.000	24.000		1.500.000	3.600	749.195		749.195
45	73	24.000	24.000		1.500.000	3.600	664.858		664.858
50	78	24.000	24.000		1.500.000	3.600	531.389		531.389
55	83	24.000	24.000		1.500.000	3.600	327.431		327.431
59	87	24.000	24.000				(*)	(*)	(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYỀN SUỐT HỢP ĐỒNG

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tur	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 3%					Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 4,7%				
					Quyền lợi TTTB &VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng	Quyền lợi TTTB &VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	29	24.000	14.400		1.500.000		10.126		10.126	1.500.000		10.269		10.269
2	30	24.000	24.000		1.500.000		30.471		30.471	1.500.000		31.160		31.160
3	31	24.000	24.000		1.500.000		51.456		51.456	1.500.000		53.065		53.065
4	32	24.000	24.000		1.500.000		73.046		73.046	1.500.000		75.978		75.978
5	33	24.000	24.000		1.500.000	3.000	98.112		98.112	1.500.000	3.000	102.800		102.800
6	34	24.000	24.000		1.500.000	3.000	123.697		123.697	1.500.000	3.000	130.655		130.655
7	35	24.000	24.000		1.500.000	3.000	149.927		149.927	1.500.000	3.000	159.704		159.704
8	36	24.000	24.000		1.500.000	3.000	176.846		176.846	1.500.000	3.000	190.032		190.032
9	37	24.000	24.000		1.500.000	3.000	204.417		204.417	1.500.000	3.000	221.645		221.645
10	38	24.000	24.000		1.500.000	3.600	233.254		233.254	1.500.000	3.600	255.201		255.201
11	39	24.000	24.000		1.500.000	3.600	262.691		262.691	1.500.000	3.600	290.092		290.092
12	40	24.000	24.000		1.500.000	3.600	292.863		292.863	1.500.000	3.600	326.505		326.505
13	41	24.000	24.000		1.500.000	3.600	323.798		323.798	1.500.000	3.600	364.523		364.523
14	42	24.000	24.000		1.500.000	3.600	355.489		355.489	1.500.000	3.600	404.202		404.202
15	43	24.000	24.000		1.500.000	3.600	387.957		387.957	1.500.000	3.600	445.628		445.628
16	44	24.000	24.000		1.500.000	3.600	421.150		421.150	1.500.000	3.600	488.823		488.823

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 13 | 28

Phiên bản
Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYỀN SUỐT HỢP ĐỒNG

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tur	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 3%					Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 4,7%				
					Quyền lợi TTTB &VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng	Quyền lợi TTTB &VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
17	45	24.000	24.000		1.500.000	3.600	455.141		455.141	1.500.000	3.600	533.934		533.934
18	46	24.000	24.000		1.500.000	3.600	489.951		489.951	1.500.000	3.600	581.066		581.066
19	47	24.000	24.000		1.500.000	3.600	525.418		525.418	1.500.000	3.600	630.166		630.166
20	48	24.000	24.000		1.500.000	3.600	561.612		561.612	1.500.000	3.600	681.403		681.403
Theo quy định của Bộ Tài chính, việc minh họa sản phẩm bảo hiểm liên kết chung theo mức lãi suất dự kiến chỉ được thể hiện cho 20 năm hợp đồng đầu tiên. Minh họa kể từ năm hợp đồng 21 dựa trên mức lãi suất cam kết (mức lãi suất cam kết từ năm hợp đồng 21 trở đi là 1%)														
21	49	24.000	24.000		1.500.000	3.600	586.971		586.971	1.500.000	3.600	708.933		708.933
25	53	24.000	24.000		1.500.000	3.600	684.101		684.101	1.500.000	3.600	816.516		816.516
30	58	24.000	24.000		1.500.000	3.600	792.923		792.923	1.500.000	3.600	944.325		944.325
35	63	24.000	24.000		1.500.000	3.600	890.302		890.302	1.500.000	3.600	1.070.292		1.070.292
40	68	24.000	24.000		1.500.000	3.600	949.235		949.235	1.500.000	3.600	1.183.961		1.183.961
45	73	24.000	24.000		1.500.000	3.600	957.205		957.205	1.500.000	3.600	1.300.244		1.300.244
50	78	24.000	24.000		1.500.000	3.600	959.812		959.812	1.500.000	3.600	1.462.523		1.462.523
55	83	24.000	24.000		1.500.000	3.600	962.340		962.340	1.674.975	3.600	1.674.975		1.674.975
60	88	24.000	24.000		1.500.000	3.600	866.878		866.878	1.898.735	3.600	1.898.735		1.898.735
65	93	24.000	24.000				(*)	(*)	(*)	2.133.909	3.600	2.133.909		2.133.909
67	95	24.000	24.000							2.231.304	3.600	2.231.304		2.231.304

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 14 | 28

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYỀN SUỐT HỢP ĐỒNG

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tur	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 3%					Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 4,7%				
					Quyền lợi TTTB &VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng	Quyền lợi TTTB &VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
68	96	24.000	24.000							2.280.733	3.600	2.280.733		2.280.733
69	97	24.000	24.000							2.330.657	3.600	2.330.657		2.330.657
70	98	24.000	24.000							2.381.079	3.600	2.381.079		2.381.079
71	99	24.000	24.000							2.432.006	3.600	2.432.006		2.432.006

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Phí BH sản phẩm BHNT			Phí BH sản phẩm BHBS/ BHBK	Phí ban đầu			Phí BH sản phẩm BHNT đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro sản phẩm BHNT		
	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí BH		Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí BH đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí BH đem đi đầu tư		Mức lãi suất cam kết	Mức lãi suất 3%	Mức lãi suất 4,7%
1	24.000		24.000		9.600		9.600	14.400		14.400	480	4.210	4.210	4.210
2	24.000		24.000					24.000		24.000	480	4.124	4.124	4.123
3	24.000		24.000					24.000		24.000	480	4.095	4.095	4.092
4	24.000		24.000					24.000		24.000	480	4.121	4.120	4.114
5	24.000		24.000					24.000		24.000	500	4.271	4.268	4.256
6	24.000		24.000					24.000		24.000	600	4.406	4.398	4.379
7	24.000		24.000					24.000		24.000	600	4.533	4.518	4.491
8	24.000		24.000					24.000		24.000	600	4.639	4.615	4.576
9	24.000		24.000					24.000		24.000	600	4.803	4.767	4.712
10	24.000		24.000					24.000		24.000	620	4.957	4.906	4.832
11	24.000		24.000					24.000		24.000	720	5.139	5.067	4.968
12	24.000		24.000					24.000		24.000	720	5.312	5.212	5.082
13	24.000		24.000					24.000		24.000	720	5.487	5.353	5.186
14	24.000		24.000					24.000		24.000	720	5.697	5.522	5.309
15	24.000		24.000					24.000		24.000	720	5.918	5.692	5.424
16	24.000		24.000					24.000		24.000	720	6.227	5.938	5.598
17	24.000		24.000					24.000		24.000	720	6.495	6.133	5.709
18	24.000		24.000					24.000		24.000	720	6.779	6.330	5.805
19	24.000		24.000					24.000		24.000	720	7.280	6.711	6.046

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Đại lý bảo hiểm:

Trang 16 | 28

Ngày giờ lập:

Phiên bản
Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Phí BH sản phẩm BHNT			Phí BH sản phẩm BHBS/ BHBK	Phí ban đầu			Phí BH sản phẩm BHNT đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro sản phẩm BHNT		
	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí BH		Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí BH đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí BH đem đi đầu tư		Mức lãi suất cam kết	Mức lãi suất 3%	Mức lãi suất 4,7%
20	24.000		24.000					24.000		24.000	720	7.753	7.044	6.214
Theo quy định của Bộ Tài chính, việc minh họa sản phẩm bảo hiểm liên kết chung theo mức lãi suất dự kiến chỉ được thể hiện cho 20 năm hợp đồng đầu tiên. Minh họa kể từ năm hợp đồng 21 dựa trên mức lãi suất cam kết (mức lãi suất cam kết từ năm hợp đồng 21 trở đi là 1%)														
21	24.000		24.000					24.000		24.000	720	8.157	7.333	6.365
25	24.000		24.000					24.000		24.000	720	11.471	10.095	8.479
30	24.000		24.000					24.000		24.000	720	16.736	14.188	11.198
35											720	26.062	21.736	16.659
40											720	52.910	43.467	32.387
45											720	(*)	95.260	69.219
48											720		(*)	68.326
50											720			69.301
53											(*)			(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Đại lý bảo hiểm:

Trang 17 | 28

Ngày giờ lập:

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT

THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết				
					Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	29	24.000	14.400		1.500.000		10.126		10.126
2	30	24.000	24.000		1.500.000		30.471		30.471
3	31	24.000	24.000		1.500.000		51.456		51.456
4	32	24.000	24.000		1.500.000		72.315		72.315
5	33	24.000	24.000		1.500.000	3.000	96.418		96.418
6	34	24.000	24.000		1.500.000	3.000	120.178		120.178
7	35	24.000	24.000		1.500.000	3.000	144.166		144.166
8	36	24.000	24.000		1.500.000	3.000	168.407		168.407
9	37	24.000	24.000		1.500.000	3.000	192.846		192.846
10	38	24.000	24.000		1.500.000	3.600	218.076		218.076
11	39	24.000	24.000		1.500.000	3.600	242.206		242.206
12	40	24.000	24.000		1.500.000	3.600	266.403		266.403
13	41	24.000	24.000		1.500.000	3.600	290.667		290.667
14	42	24.000	24.000		1.500.000	3.600	314.962		314.962
15	43	24.000	24.000		1.500.000	3.600	339.278		339.278
16	44	24.000	24.000		1.500.000	3.600	363.527		363.527
17	45	24.000	24.000		1.500.000	3.600	387.748		387.748
18	46	24.000	24.000		1.500.000	3.600	411.926		411.926
19	47	24.000	24.000		1.500.000	3.600	435.842		435.842

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Đại lý bảo hiểm:

Trang 18 | 28

Ngày giờ lập:

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT

THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết				
					Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
20	48	24.000	24.000		1.500.000	3.600	459.522		459.522
25	53	24.000	24.000		1.500.000	3.600	571.253		571.253
30	58	24.000	24.000		1.500.000	3.600	663.894		663.894
35	63				1.500.000		583.756		583.756
40	68				1.500.000		386.978		386.978
45	73						(*)	(*)	(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 19 | 28

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tur	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 3%					Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 4,7%				
					Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng	Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	29	24.000	14.400		1.500.000		10.126		10.126	1.500.000		10.269		10.269
2	30	24.000	24.000		1.500.000		30.471		30.471	1.500.000		31.160		31.160
3	31	24.000	24.000		1.500.000		51.456		51.456	1.500.000		53.065		53.065
4	32	24.000	24.000		1.500.000		73.046		73.046	1.500.000		75.978		75.978
5	33	24.000	24.000		1.500.000	3.000	98.112		98.112	1.500.000	3.000	102.800		102.800
6	34	24.000	24.000		1.500.000	3.000	123.697		123.697	1.500.000	3.000	130.655		130.655
7	35	24.000	24.000		1.500.000	3.000	149.927		149.927	1.500.000	3.000	159.704		159.704
8	36	24.000	24.000		1.500.000	3.000	176.846		176.846	1.500.000	3.000	190.032		190.032
9	37	24.000	24.000		1.500.000	3.000	204.417		204.417	1.500.000	3.000	221.645		221.645
10	38	24.000	24.000		1.500.000	3.600	233.254		233.254	1.500.000	3.600	255.201		255.201
11	39	24.000	24.000		1.500.000	3.600	262.691		262.691	1.500.000	3.600	290.092		290.092
12	40	24.000	24.000		1.500.000	3.600	292.863		292.863	1.500.000	3.600	326.505		326.505
13	41	24.000	24.000		1.500.000	3.600	323.798		323.798	1.500.000	3.600	364.523		364.523
14	42	24.000	24.000		1.500.000	3.600	355.489		355.489	1.500.000	3.600	404.202		404.202
15	43	24.000	24.000		1.500.000	3.600	387.957		387.957	1.500.000	3.600	445.628		445.628
16	44	24.000	24.000		1.500.000	3.600	421.150		421.150	1.500.000	3.600	488.823		488.823
17	45	24.000	24.000		1.500.000	3.600	455.141		455.141	1.500.000	3.600	533.934		533.934
18	46	24.000	24.000		1.500.000	3.600	489.951		489.951	1.500.000	3.600	581.066		581.066

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tur	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 3%					Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 4,7%				
					Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng	Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
19	47	24.000	24.000		1.500.000	3.600	525.418		525.418	1.500.000	3.600	630.166		630.166
20	48	24.000	24.000		1.500.000	3.600	561.612		561.612	1.500.000	3.600	681.403		681.403
Theo quy định của Bộ Tài chính, việc minh họa sản phẩm bảo hiểm liên kết chung theo mức lãi suất dự kiến chỉ được thể hiện cho 20 năm hợp đồng đầu tiên. Minh họa kể từ năm hợp đồng 21 dựa trên mức lãi suất cam kết (mức lãi suất cam kết từ năm hợp đồng 21 trở đi là 1%)														
21	49	24.000	24.000		1.500.000	3.600	586.971		586.971	1.500.000	3.600	708.933		708.933
25	53	24.000	24.000		1.500.000	3.600	684.101		684.101	1.500.000	3.600	816.516		816.516
30	58	24.000	24.000		1.500.000	3.600	792.923		792.923	1.500.000	3.600	944.325		944.325
35	63				1.500.000		737.149		737.149	1.500.000		917.139		917.139
40	68				1.500.000		587.018		587.018	1.500.000		821.744		821.744
45	73				1.500.000		252.995		252.995	1.500.000		596.034		596.034
48	76						(*)	(*)	(*)	1.500.000		386.133		386.133
50	78									1.500.000		260.191		260.191
53	81											(*)	(*)	(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 21 | 28

Phiên bản
Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ

THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Phí BH sản phẩm BHNT			Phí BH sản phẩm BHBS/ BHBK	Phí ban đầu			Phí BH sản phẩm BHNT đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro sản phẩm BHNT		
	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí BH		Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí BH đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí BH đem đi đầu tư		Mức lãi suất cam kết	Mức lãi suất 3%	Mức lãi suất 4,7%
1	24.000		24.000		9.600		9.600	14.400		14.400	480	4.210	4.210	4.210
2	24.000		24.000					24.000		24.000	480	4.124	4.124	4.123
3	24.000		24.000					24.000		24.000	480	4.095	4.095	4.092
4	24.000		24.000					24.000		24.000	480	4.121	4.120	4.114
5											500	4.345	4.342	4.331
6											600	4.572	4.565	4.550
7											600	4.801	4.791	4.770
8											600	5.018	5.004	4.978
9											600	5.310	5.292	5.259
10											620	5.606	5.583	5.543
11											720	5.949	5.921	5.873
12											720	6.298	6.264	6.207
13											720	6.666	6.626	6.560
14											720	7.098	7.053	6.976
15											720	7.567	7.515	7.428
16											720	8.178	8.120	8.019
17											720	(*)	8.705	8.591
18											720		(*)	9.219
19											720			10.191

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 22 | 28

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Phí BH sản phẩm BHNT			Phí BH sản phẩm BHBS/ BHBK	Phí ban đầu			Phí BH sản phẩm BHNT đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro sản phẩm BHNT		
	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí BH		Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí BH đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí BH đem đi đầu tư		Mức lãi suất cam kết	Mức lãi suất 3%	Mức lãi suất 4,7%
20											(*)			(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT

THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết				
					Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	29	24.000	14.400		1.500.000		10.126		10.126
2	30	24.000	24.000		1.500.000		30.471		30.471
3	31	24.000	24.000		1.500.000		51.456		51.456
4	32	24.000	24.000		1.500.000		72.315		72.315
5	33				1.500.000		68.864		68.864
6	34				1.500.000		64.683		64.683
7	35				1.500.000		60.209		60.209
8	36				1.500.000		55.448		55.448
9	37				1.500.000		50.322		50.322
10	38				1.500.000		44.801		44.801
11	39				1.500.000		38.543		38.543
12	40				1.500.000		31.873		31.873
13	41				1.500.000		24.767		24.767
14	42				1.500.000		17.154		17.154
15	43				1.500.000		8.994		8.994
16	44				1.500.000		137		137
17	45						(*)	(*)	(*)

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tur	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 3%					Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 4,7%				
					Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng	Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	29	24.000	14.400		1.500.000		10.126		10.126	1.500.000		10.269		10.269
2	30	24.000	24.000		1.500.000		30.471		30.471	1.500.000		31.160		31.160
3	31	24.000	24.000		1.500.000		51.456		51.456	1.500.000		53.065		53.065
4	32	24.000	24.000		1.500.000		73.046		73.046	1.500.000		75.978		75.978
5	33				1.500.000		70.317		70.317	1.500.000		74.596		74.596
6	34				1.500.000		67.178		67.178	1.500.000		72.822		72.822
7	35				1.500.000		63.715		63.715	1.500.000		70.739		70.739
8	36				1.500.000		59.931		59.931	1.500.000		68.345		68.345
9	37				1.500.000		55.741		55.741	1.500.000		65.550		65.550
10	38				1.500.000		51.110		51.110	1.500.000		62.312		62.312
11	39				1.500.000		45.895		45.895	1.500.000		58.481		58.481
12	40				1.500.000		40.175		40.175	1.500.000		54.128		54.128
13	41				1.500.000		33.915		33.915	1.500.000		49.207		49.207
14	42				1.500.000		27.034		27.034	1.500.000		43.629		43.629
15	43				1.500.000		19.477		19.477	1.500.000		37.326		37.326
16	44				1.500.000		11.079		11.079	1.500.000		30.121		30.121
17	45				1.500.000		1.833		1.833	1.500.000		21.990		21.990
18	46						(*)	(*)	(*)	1.500.000		12.833		12.833

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 25 | 28

Phiên bản
Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tur	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 3%					Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 4,7%				
					Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng	Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
19	47									1.500.000		2.250		2.250
20	48											(*)	(*)	(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

Lưu ý:

1. *Giá trị tài khoản cơ bản, Khoản thưởng duy trì đóng phí và Giá trị tài khoản đóng thêm được tính tại cuối mỗi năm hợp đồng. Giá trị tài khoản được minh họa dựa trên phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ và đúng hạn.*
2. *Lãi suất dự kiến chỉ mang tính tham khảo, có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung và không có ý nghĩa là mức lãi suất này được đảm bảo cho khách hàng trong tương lai, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.*
3. *Giá trị tài khoản hợp đồng có liên hệ chặt chẽ với quyền lợi bảo hiểm của khách hàng, khách hàng cần hiểu rõ các quyền lợi trong hợp đồng, thời gian đóng phí dự kiến, các loại chi phí, lãi suất đầu tư và ảnh hưởng của các yếu tố này đến giá trị tài khoản.*

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 27 | 28

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN,
HẠNH PHÚC HƠN

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

Tôi xác nhận đã được đại diện được ủy quyền của Công ty tiến hành phân tích nhu cầu, tư vấn, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và giải thích cụ thể các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng bảo hiểm nói trên. Tôi theo đây xác nhận rằng đã hiểu rõ các đặc điểm của sản phẩm **Bảo Hiểm Liên kết chung Trọn Vẹn Cân Bằng – Phiên bản dành cho nhân viên AIA – Quyền lợi bảo hiểm cơ bản** cũng như toàn bộ nội dung của Bảng minh họa này và đồng ý tham gia do nhận thấy Hợp đồng bảo hiểm này phù hợp với nhu cầu của tôi.

Tôi cũng hiểu rõ rằng:

1. Tham gia hợp đồng bảo hiểm là một cam kết dài hạn. Việc hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản phí bảo hiểm đã đóng.
2. Bảng minh họa này là một phần của hợp đồng bảo hiểm và chỉ có giá trị khi có đầy đủ số trang. Bên mua bảo hiểm cần tuân thủ các quy định tại hợp đồng bảo hiểm để bảo đảm quyền và lợi ích khi tham gia bảo hiểm, đặc biệt là nghĩa vụ về đóng phí và kê khai thông tin.
3. Khi hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực do không đóng đủ phí bảo hiểm cơ bản theo yêu cầu trong 4 năm đầu tiên, không có quyền lợi bảo hiểm nào được chi trả. Việc rút tiền từ GTTK hợp đồng và/hoặc thay đổi kế hoạch đóng phí sẽ làm ảnh hưởng đến GTTK hợp đồng và ảnh hưởng đến hiệu lực hợp đồng.
4. Mức lãi suất dự kiến thể hiện bên trên là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chỉ mang tính tham khảo. Mức lãi suất thực tế có thể khác với mức lãi suất dự kiến, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.

Bên mua bảo hiểm

Số CMND/Căn cước công dân/
Hộ chiếu/Mã số doanh nghiệp

Xác nhận

Ngày/tháng/năm

Tôi, đại diện được ủy quyền của Công ty xác nhận dưới đây cam kết đã giải thích và tư vấn đầy đủ cho khách hàng có tên nêu trên về sản phẩm **Bảo Hiểm Liên kết chung Trọn Vẹn Cân Bằng – Phiên bản dành cho nhân viên AIA – Quyền lợi bảo hiểm cơ bản** và nội dung Bảng minh họa này.

Đại lý bảo hiểm/Chuyên viên tư vấn bảo hiểm

Văn phòng

Xác nhận

Ngày/tháng/năm

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 28 | 28

Phiên bản

Dãy số kiểm tra